

LESSON 1**I. NEW WORDS**

1.	become	: trở thành
2.	activity	: hoạt động
3.	sick	: bị bệnh
4.	office	: cơ quan, văn phòng
5.	travel	: đi lại
6.	fire	: lửa
7.	fire station	: trạm cứu hoả